

CTCP Cấp nước Sóc Trăng (UPCOM: STW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	39,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,796
SL cổ phiếu LH	15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	625
P/E	24.9
EPS	1,584

DT thuần

Q1/25

53.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50 | -0.9%

YoY: ▼1.60 | -2.9%

LN sau thuế

Q1/25

-2.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.5 | -125%

YoY: ▼15.9 | -117%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

28.2%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

2024

220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00 | 4.3%

LN sau thuế

2024

41.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.50 | -18.8%

ROE

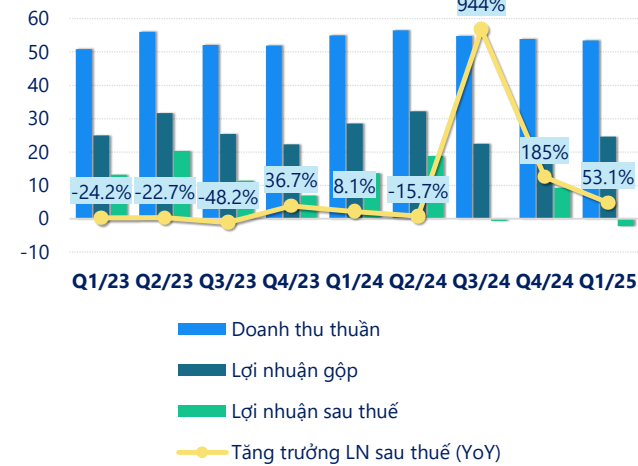
2024

16.0%

+/- YoY: ▼ 7.6%

tỷ VNĐ

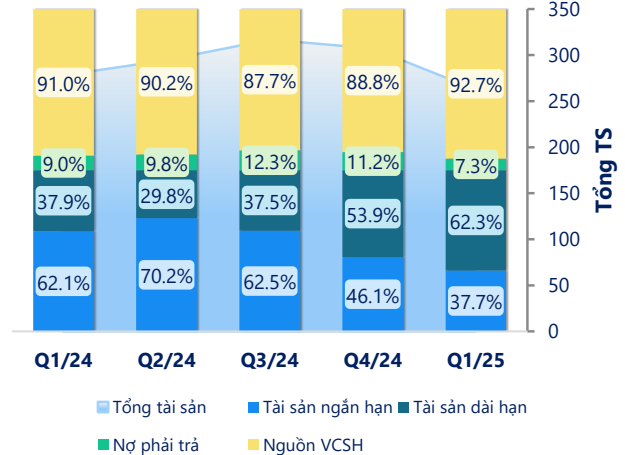
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

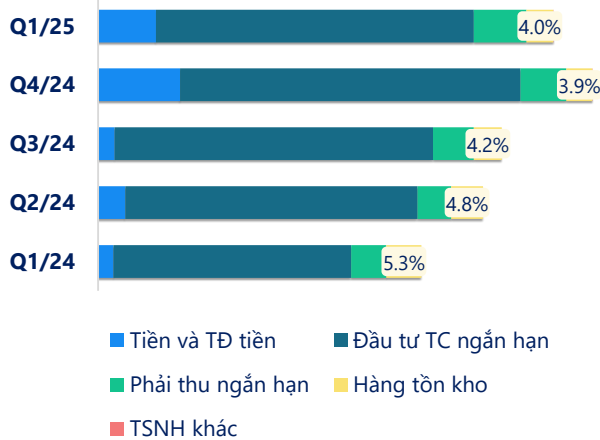
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



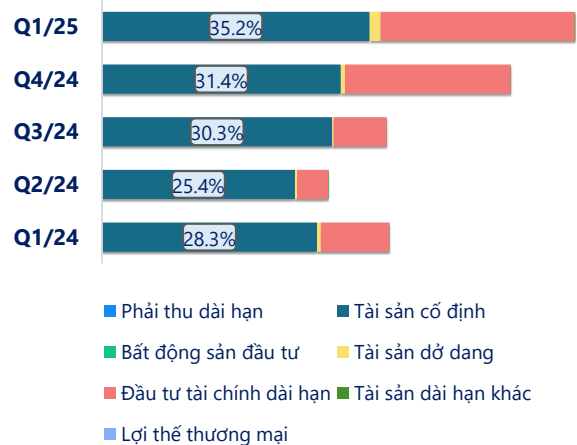
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

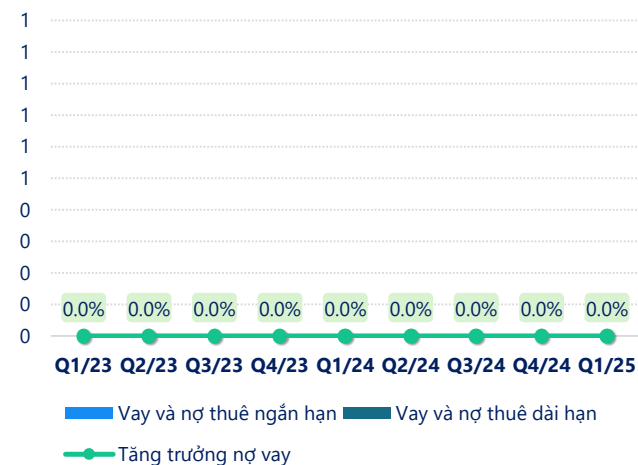
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

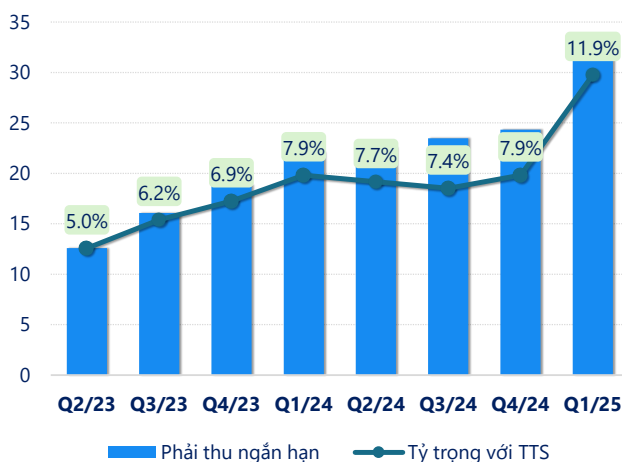
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



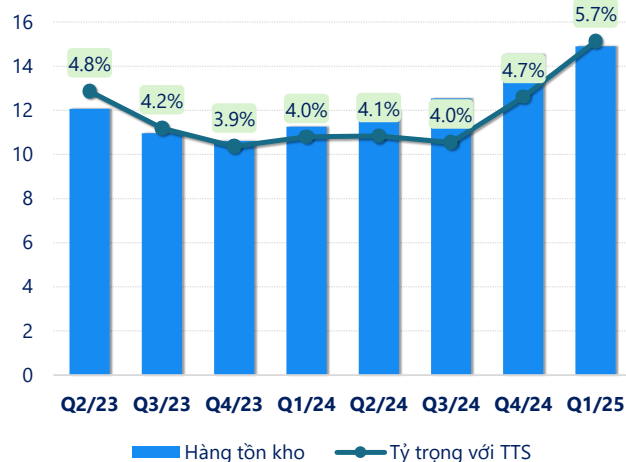
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


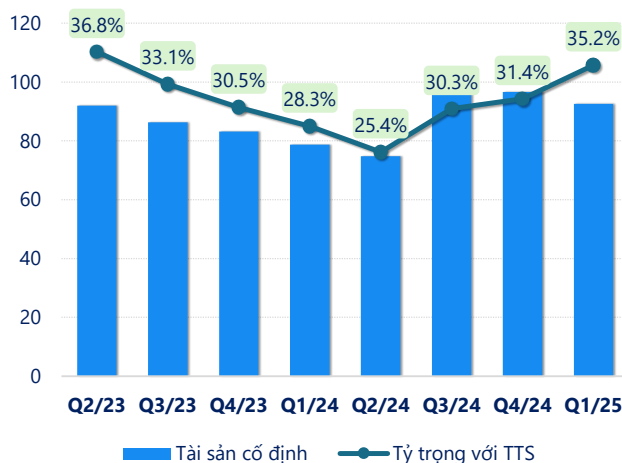
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


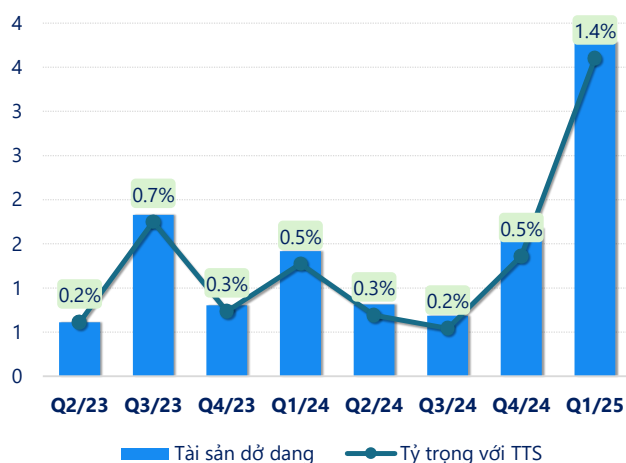
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

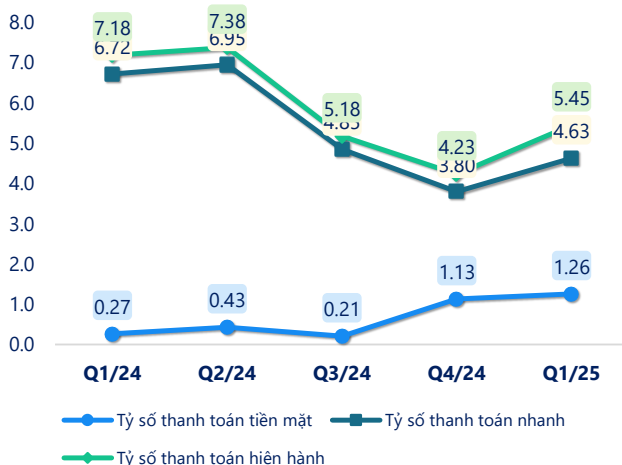
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

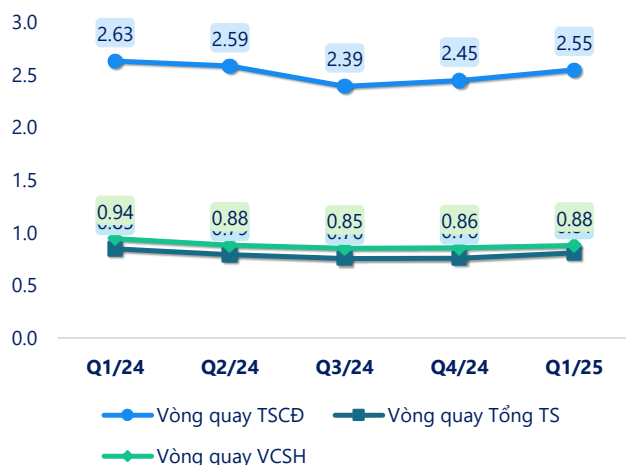
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	278	294	317	307	263
Tài sản ngắn hạn	173	207	198	142	99.0
Tiền và tương đương tiền	6.46	12.1	7.93	37.9	22.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	160	154	65.0	30.0
Phải thu ngắn hạn	22.1	22.6	23.5	24.3	31.3
Hàng tồn kho	11.3	12.0	12.5	14.5	14.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0	0	0	0.00
Tài sản dài hạn	105	87.8	119	166	164
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	78.7	74.8	96.0	96.6	92.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.42	0.81	0.69	1.68	3.78
Đầu tư tài chính dài hạn	25.1	12.1	22.1	67.1	67.1
Tài sản dài hạn khác	0.13	0.15	0.16	0.20	0.22
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	24.9	28.9	39.1	34.4	19.1
Nợ ngắn hạn	24.0	28.0	38.2	33.5	18.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.95	5.94	4.60	3.88	3.21
Nợ dài hạn	0.87	0.86	0.86	0.90	0.94
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	253	266	278	273	244
Vốn chủ sở hữu	253	266	278	273	244
Vốn điều lệ	159	159	159	159	159
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)